

Bản án số: 156/2018/HS-PT

Ngày: 04-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm cả

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Phương

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Ông Lương Văn Hiến.

- Thư ký Tòa án: Bà Nguyễn Thúy Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:

Bà Đinh Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 127/2018/TLPT-HS ngày 13 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo Trần Văn Q, Trần Văn T, Nguyễn Xuân T1, Dương Văn T2, Dương Văn T3, Trương Văn H do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 67/2018/HS-ST ngày 03 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

- Các Bị cáo có kháng cáo:

1. Trần Văn Q, sinh năm: 1983 tại huyện PB, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi cư trú: Xóm TH, xã NM, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn B, sinh năm: 1959; Con bà Nguyễn Thị Qu, sinh năm: 1960. Có vợ: Tạ Thị Th, sinh năm: 1985, và có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 14/01/2018 đến ngày 23/01/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn (Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú). Hiện tại ngoại. (Có mặt)

2. Trần Văn T, sinh năm: 1986 tại huyện PB, tỉnh Thái Nguyên;

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã NM, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Văn Ng (Đã chết); Con bà: Hoàng Thị Nh, sinh năm 1948. Có vợ: Tạ Thị L, sinh năm: 1987 và có 02 con, con lớn sinh năm: 2007, con nhỏ sinh năm: 2012. Tiền án: Không. Tiền sự: Ngày 09/9/2016 Trần Văn T bị Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên quyết định xử phạt vi phạm hành chính với hình thức phạt tiền 1.500.000đ về hành vi

“Trộm cắp T3 sản”. Ngày 10/7/2017 T đã nộp phạt. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/01/2018 đến ngày 13/02/2018 được thay thế biện pháp ngăn chặn (Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú). Hiện tại ngoại. (Vắng mặt)

3. Nguyễn Xuân T1, sinh năm: 1986 tại huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Xóm TH, xã NM, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Xuân C, sinh năm: 1958; Con bà Nguyễn Thị S, sinh năm: 1961. Có vợ: Trần Thị N, sinh năm: 1987 (đã chết); Có 02 con, con lớn sinh năm: 2009, con nhỏ sinh năm: 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn (Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú). Hiện tại ngoại. (Có đơn xin xử vắng mặt).

4. Dương Văn T2, sinh năm: 1986 tại huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Xóm TH, xã NM, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn M, sinh năm: 1957; Con bà Nguyễn Thị L, sinh năm: 1958. Có vợ: Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1986 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm: 2011, con nhỏ nhất sinh năm: 2017. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn (Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú). Hiện tại ngoại. (Có mặt)

5. Dương Văn T3, sinh năm: 1989 tại huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Xóm TH, xã NM, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Dương Văn M, sinh năm: 1957; Con bà: Nguyễn Thị L, sinh năm 1958. Có vợ: Hoàng Thị H1, sinh năm: 1990 và có 02 con, con lớn sinh năm: 2015, con nhỏ sinh năm: 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn (Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú). Hiện tại ngoại. (Có mặt)

6. Trương Văn H, sinh năm: 1973 tại huyện PB, tỉnh Thái Nguyên; Nơi cư trú: Xóm TH, xã NM, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên. Nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trương Văn Ph (Đã chết); Con bà: Nguyễn Thị Ngh (Đã chết). Có vợ: Tạ Thị Th, sinh năm: 1977 và có 02 con, con lớn sinh năm: 1997, con nhỏ sinh năm: 2000. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam. Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn (Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú). Hiện tại ngoại. (Có mặt)

- Các bị cáo không kháng cáo: Ngô Văn Th, Ngô Quang D1, Tạ Văn D, Tạ Văn C (Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 03 giờ 00 phút, ngày 14/01/2018, tổ công tác của Công an huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên phối hợp cùng Công an xã Nga My đã phát hiện và bắt quả tang một số đối tượng đang đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng tại nhà riêng của Trần Văn Q. Bắt giữ 06 đối tượng tham gia đánh bạc, gồm: Trần Văn Q, Tạ Văn D, Ngô Quang D1, Ngô Văn Th, Trần Văn T, Tạ Văn C.

Vật chứng thu giữ: số tiền trên chiếu bạc 7.500.000đ là tiền các đối tượng sử dụng đánh bạc; 36 quân bài tú lơ khơ, 01 chiếu cỏi. Ngoài ra còn thu giữ 02 xe mô tô; 06 điện thoại di động. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, đưa các đối tượng cùng toàn bộ vật chứng về Công an huyện Phú Bình để điều tra làm rõ.

Tại Cơ quan điều tra, các đối tượng tham gia đánh bạc khai nhận diễn biến và cách thức đánh bạc như sau: khoảng 21 giờ ngày 13/01/2018 Tạ Văn D, Ngô Quang D1, Ngô Văn Th, Trần Văn T, Tạ Văn C đến nhà Trần Văn Q uống nước rồi rủ nhau đánh bạc dưới hình thức đánh ba cây sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng. Q đồng ý cho các đối tượng trên đánh bạc tại buồng nhà mình, các đối tượng sử dụng chiếu cỏi trải trên nền buồng nhà Q để ngồi đánh bạc, bài tú lơ khơ và chiếu cỏi có sẵn trong nhà Q. Khi bắt đầu tham gia đánh bạc có D, D1, Th, T, Ca, các đối tượng sử dụng tiền vào việc đánh bạc như sau: D sử dụng 3.200.000 đồng, D1 sử dụng 1.300.000 đồng, Th sử dụng 3.200.000 đồng, T sử dụng 400.000 đồng, C sử dụng 1.350.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày thì có Trương Văn H, Dương Văn T3, Nguyễn Xuân T1, Dương Văn T2 đến tham gia đánh bạc cùng, trong đó: H sử dụng 300.000 đồng, T1 sử dụng 400 đến 500.000 đồng, T3 sử dụng 300.000 đồng, T2 sử dụng 170.000 đồng vào mục đích đánh bạc, đến khoảng gần 23 giờ cùng ngày thì T3, T2, Huy ra về, khoảng 2 giờ ngày 14/01/2018 thì T1 ra về vì thua hết tiền. Quá trình đánh bạc, tuy Q không yêu cầu nhưng các bị cáo đã để tiền ra rìa chiếu cho Q, gồm: Th: 50.000 đồng, D1: 100.000 đồng, C: 100.000 đồng, Quý có cầm số tiền này dùng để tham gia đánh bạc sau khi T, D1 nghỉ đánh bạc nhưng không về mà vẫn ở tại nhà của Q. Đến 03 giờ 00 phút ngày 14/01/2018 thì bị tổ công tác Công an huyện Phú Bình phát hiện lập biên bản bắt quả tang.

Cách thức đánh bạc dưới hình thức ba cây sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng như sau: Người chơi sử dụng 36 quân bài tú lơ khơ gồm các quân bài A, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, mỗi quân bài thuộc 04 chất là rô, cơ, bích, tép làm công cụ để đánh bạc (những quân còn lại trong bộ bài thì bỏ đi). Khi đánh bạc có một người được cầm chương (ván đầu tiên chọn người cao điểm nhất là người cầm chương, các ván tiếp theo ai được 10 điểm thì được cầm chương), người cầm chương chia cho mỗi người 03 quân bài, chia bài xong thì tính điểm. Tính điểm theo số của quân bài và quân A = 01 điểm. Tính điểm để phân chia thắng và thua bằng cách cộng tổng 03 quân bài với nhau. Các bị cáo quy định mỗi ván đặt từ 50.000 đồng đến 100.000 đồng để đánh bạc. Tính điểm xong thì so sánh điểm bài của mình với người cầm chương. Nếu thấp điểm hơn người cầm chương là thua thì sẽ mất số tiền đặt cửa ván đó cho người cầm chương. Nếu cao điểm hơn người cầm chương thì thắng, người cầm chương sẽ phải trả số

tiền bằng số tiền người thắng đặt cược ván đó. Nếu bằng điểm thì phải so sánh chất của bài để biết thắng thua, thứ tự từ cao đến thấp là rô, cơ, bích, tép.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 67 ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên đã áp dụng:

- Khoản 1, khoản 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Trần Văn Q, Trần Văn T, Nguyễn Xuân T1, Dương Văn T2, Dương Văn T3, Trương Văn H về tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Trần Văn Q 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 14/01/2018 đến ngày 23/01/2018.

Trần Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 14/01/2018 đến ngày 13/02/2018.

Nguyễn Xuân T1 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Dương Văn T2 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Dương Văn T3 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Trương Văn H 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Ngoài ra còn quyết định về tội danh, hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án, phạt bổ sung, quyết định xử lý vật chứng, ấn định trách nhiệm chịu án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 12/7/2018 bị cáo Trần Văn Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 12/7/2018 bị cáo Trần Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 03/7/2018 bị cáo Nguyễn Xuân T1 kháng cáo xin cải tạo tại địa phương.

Ngày 04/7/2018 bị cáo Dương Văn T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 04/7/2018 bị cáo Dương Văn T3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 06/7/2018 bị cáo Trương Văn H kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa các bị cáo T2, T3, H, thay đổi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin cải tạo tại địa phương.

Phần kết luận vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên sau khi phân tích tính chất của vụ án, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo có kháng cáo, đã đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn Q, Trần Văn T, Dương Văn T2. Giữ nguyên phần quyết định của bản án sơ thẩm đối với các bị cáo Q, T, T2. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Văn T3, Trương Văn

H, Nguyễn Xuân T1, giữ nguyên mức hình phạt tù nhưng cho các bị cáo T3, Huy, T1 được hưởng án treo.

Bị cáo Q, T3, H không tranh luận, bị cáo T2 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hoàn cảnh của bị cáo, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo xin được cải tạo tại địa phương. Lời nói sau cùng các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã xét xử, bị cáo T3, H, T2 xin Hội đồng xét xử phúc thẩm cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương. Bị cáo Q xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các làm trong hạn luật định là hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Xuân T1 có đơn xin xử vắng mặt. Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt bị cáo T1.

Bị cáo Trần Văn T có đơn xin hoãn phiên tòa với lý do sức khỏe phải vào viện điều trị không thể tham D1 phiên tòa được và cung cấp cho Hội đồng xét xử giấy chuyển tuyến của Bệnh viện đa khoa PB gửi Bệnh viện C Thái Nguyên ngày 02/10/2018. Ngày 04/10/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã T2 hành xác minh tại Bệnh viện C Thái Nguyên, Bệnh viện C xác định từ ngày 02/10/2018 đến ngày 04/10/2018 không có bệnh nhân Trần Văn T vào viện điều trị. Do vậy lý do xin hoãn phiên tòa của bị cáo Trần Văn T là không có căn cứ. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt bị cáo T theo quy định.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Trần Văn Q, Dương Văn T3, Dương văn T2, Trương Văn H khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như bản án sơ thẩm. Các bị cáo đều thừa nhận tối ngày 13/01/2018 tại nhà bị cáo Trần Văn Q các bị cáo T, T1, T3, T2, H, Q đã thực hiện hành vi đánh bạc sát phạt nhau bằng tiền thì bị phát hiện bắt quả tang Q, T cùng các bị cáo khác trong vụ án còn các bị cáo T1, T3, T2, H đã về trước khi công an đến bắt. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án như lời khai của người làm chứng, biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang cùng toàn bộ vật chứng đã thu giữ. Đủ căn cứ pháp luật xác định:

Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 13/01/2018, tại gia đình bị cáo Trần Văn Q ở xóm TH, xã NM, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên các bị cáo Trần Văn Q, Trần Văn T, Nguyễn Xuân T1, Dương Văn T2, Dương Văn T3, Trương Văn H cùng các bị cáo khác đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức “đánh ba cây” sát phạt nhau bằng tiền Việt Nam đồng. Đến khoảng 03 giờ 00 phút ngày 14/01/2018, khi các bị cáo đang đánh bạc thì bị tổ công tác của Công an huyện Phú Bình bắt quả tang, thu giữ tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc là 7.500.000 đồng.

Với hành vi nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Trần Văn Q, Trần Văn T, Nguyễn Xuân T1, Dương Văn T2, Dương Văn T3, Trương Văn H

phạm tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo: Trần Văn Q, Trần Văn T, Dương Văn T2, Dương Văn T3, Trương Văn H, Nguyễn Xuân T1 Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Trần Văn Q mặc dù có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo là người đã cho mượn địa điểm và công cụ phạm tội và trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò chính trong vụ án. Bị cáo T có nhân thân xấu, bị cáo đã có một tiền sự về hành vi “Trộm cắp tài sản”. Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt mỗi bị cáo 15 tháng tù là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Bị cáo T2 có nhân thân tốt, án sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, xem xét nhân thân, vai trò của bị cáo để xử phạt bị cáo mức án 9 tháng tù là có căn cứ, tại cấp phúc thẩm bị cáo T2 không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin cải tạo tại địa phương của bị cáo Dương Văn T2. Cần giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm phần liên quan đến các bị cáo Q, T, T2 cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa.

Đối với kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân T1, Dương Văn T3 và Trương Văn H: Các bị cáo T3, H, T1 đều có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và xét xử tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, trong vụ án này các bị cáo đều có vai trò thứ yếu, số tiền tham gia đánh bạc ít. Trong vụ án này các bị cáo T3 và H, T1 không tham gia đánh bạc từ đầu mà sau khi đi ăn cưới về đến nhà bị cáo Q chơi và thấy các bị cáo T, D, D1, Thành, Ca, Q đang đánh bạc tại nhà Q nên các bị cáo T1, T3, H chỉ tham gia đánh bạc được một lúc thì đã tự ý chấm dứt hành vi đánh bạc và đã về nhà. Tại thời điểm cơ quan điều tra bắt quả tang thì chỉ có 06 bị cáo khác đang tham gia đánh bạc. Tuy nhiên các bị cáo T1, T3, H đã thành khẩn khai báo, tích cực hợp tác giúp cơ quan điều tra nhanh chóng điều tra vụ án. Sau khi xét xử sơ thẩm các bị cáo T3, Huy, T1 đều nhận thức được trách nhiệm nghĩa vụ chấp hành bản án của mình nên các bị cáo đã nộp xong toàn bộ số tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung. Bị cáo T1 có hoàn cảnh khó khăn, là lao động chính trong gia đình, vợ chết phải nuôi hai con nhỏ nhưng đã nộp toàn bộ tiền án phí và một phần tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm. Các bị cáo đều có đơn xin cải tạo tại địa phương được chính quyền địa phương xác nhận, bảo lãnh. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo Dương Văn T3 và Trương Văn H, Nguyễn Xuân T1 mỗi bị cáo 09 tháng tù về tội “đánh bạc” là có căn cứ. Tuy nhiên, về biện pháp cải tạo, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào, có nhân thân tốt, và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo mà có căn cứ chấp nhận kháng cáo của các bị cáo cũng như chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, giữ nguyên mức hình phạt nhưng chuyển biện pháp cải tạo cho các bị

cáo T3, H, T1 hưởng án treo, cải tạo tại địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Bị cáo Q, T, T2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo T3, H, T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội Đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Trần Văn Q, Trần Văn T, Dương Văn T2. Giữ nguyên phần hình phạt đối với các bị cáo theo quyết định của bản án sơ thẩm số 67/2018/HSST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Dương Văn T3 và Trương Văn H, Nguyễn Xuân T1, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 67/2018/HSST ngày 03/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Tuyên bố các bị cáo Trần Văn Q, Trần Văn T, Dương Văn T2, Dương Văn T3, Trương Văn H, Nguyễn Xuân T1 phạm tội “Đánh bạc”

1. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Trần Văn Q 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 14/01/2018 đến ngày 23/01/2018.

Trần Văn T 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án. Được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 14/01/2018 đến ngày 13/02/2018.

Dương Văn T2 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Nguyễn Xuân T1 09 (Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Dương Văn T3 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Bị cáo Trương Văn H 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao các bị cáo Nguyễn Xuân T1, Trương Văn H, Dương Văn T3 cho Ủy ban nhân dân xã NM, huyện PB, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự. Trong

thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Án phí: Các bị cáo Dương Văn T3, Trương Văn H, Nguyễn Xuân T1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo Trần Văn Q, Trần Văn T, Dương Văn T2 phải chịu 200.000đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Ghi nhận các bị cáo Dương Văn T3, Trương Văn H mỗi bị cáo đã nộp 10.200.000đ (mười triệu hai trăm nghìn đồng), bị cáo Nguyễn Xuân T1 đã nộp 2.200.000đồng là tiền phạt bổ sung và tiền án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện PB, tỉnh Thái Nguyên.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh TN, Sở TP;
- TAND huyện PB;
- Công an huyện PB;
- THADS huyện PB;
- THA hình sự;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Phương

